T10.2026

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
1	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**		**36 TC**	
1.1.	**Giáo dục đại cương**		**25**	
1.1.1	***Các học phần bắt buộc***		***22***	
1	Triết học Mác - Lê Nin	MLNP0221	3	36,18
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	RLCP1211	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMI0111	2	24,12
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCMI0611	2	21,18
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCMI0121	2	24,12
6	Pháp luật đại cương	TLAW0111	2	24,12
7	Khởi sự kinh doanh	EPIN0211	3	36,18
8	Giao tiếp trong kinh doanh	EPIN0111	3	0,9
9	Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản	INFO6911	3	36,18
1.1.2	***Các học phần tự chọn***		***3***	
	Chọn 3 TC trong các HP sau:			
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SCRE0211	3	36,18
2	Kinh tế lượng		3	
1.2	**Giáo dục thể chất**		**3**	
1.2.1	***Các học phần bắt buộc***			
	Giáo dục thể chất chung	GDTC1611	1	12,18
1.2.2	***Các học phần tự chọn***		***2***	
	Chọn 2 TC trong các HP sau:			
1	Bóng ném	GDTC0721	1	12,18
2	Bóng chuyền	GDTC0621	1	12,18
3	Cầu lông	GDTC0521	1	12,18
4	Bóng bàn	GDTC1621	1	12,18
5	Cờ vua	GDTC0921	2	24,36
6	Bóng rổ	GDTC0821	1	12,18
7	Thể dục thẩm mỹ 1	GDTC1811	1	12,18

8	Thể dục thẩm mỹ 2	GDTC1911	1	12,18
9	Cờ vua	GDTC1721	1	12,18
1.3	**Giáo dục Quốc phòng - An ninh**		**8**	
2	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**		**95 TC**	
2.1	**Kiến thức bổ trợ (học ở kì 1,2,3,4)**		**26**	
2.1.1	***Các học phần bắt buộc***		**20**	
1	Tiếng Anh Thương mại 1	ENTI3311	2	24,12
2	Tiếng Anh Thương mại 2	ENTI3411	2	24,12
3	Tiếng Anh Thương mại 3	ENTI4011	2	24,12
4	Chuyển đổi số trong kinh doanh	PCOM1111	2	24,12
5	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	INFO6011	3	15,6
6	Kinh tế học	MIEC0821	3	36,18
7	Quản trị học	BMGM0111	3	36,18
8	Marketing căn bản	BMKT0111	3	36,18
2.1.2	***Các học phần tự chọn***		**6**	
	Chọn 6 TC trong các HP sau:			
1	Nguyên lý kế toán	ACCP0111	3	36,18
2	Quản trị nhân lực căn bản	HRMG3111	3	36,18
3	Thương mại điện tử căn bản	PCOM0111	3	36,18
4	Quản trị chất lượng	QMGM0911	3	36,18
2.2	**Kiến thức cơ sở ngành**		**29**	
2.2.1	***Các học phần bắt buộc***		***20***	
1	Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng	BLOG3011	3	36,18
2	Kinh tế quốc tế 1	FECO1711	3	36,18
3	Kinh doanh quốc tế	ITOM1311	3	36,18
4	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế*	ITOM0512	3	36,18
5	Quản trị logistics kinh doanh	BLOG1511	3	36,18
6	Quản trị chuỗi cung ứng	BLOG2011	3	36,18
7	Kinh tế môi trường	FECO1521	2	24,12
2.2.2	***Các học phần tự chọn***		***9***	

	Chọn 9 TC trong các HP sau:			
1	Hành vi khách hàng	BMKT3811	3	36,18
2	Kinh tế tuần hoàn		3	36,18
3	Luật kinh tế 1	PLAW0321	3	36,18
4	Công ty đa quốc gia		3	36,18
5	Quản trị thương hiệu 1	BRMG2011	3	36,18
6	Đầu tư quốc tế	FECO2411	3	36,18
2.3	**Kiến thức ngành**		**15**	
2.3.1	***Các học phần bắt buộc***		***9***	
1	Phân phối trong chuỗi cung ứng toàn cầu		3	36,18
2	Logistics quốc tế	BLOG3051	3	36,18
3	Nghiệp vụ hải quan	ITOM1721	3	34,12,5
2.3.2	***Các học phần tự chọn***		***6***	
	Chọn 6 TC trong các HP sau:			
1	Marketing B2B	MAGM0721	3	36,18
2	Luật thương mại quốc tế	PLAW3111	3	36,18
3	Đàm phán thương mại quốc tế	ITOM1621	3	36,18
4	Quản trị sản xuất	CEMG4211	3	36,18
2.4	**Kiến thức chuyên ngành**		**15**	
1	Mua và quản trị nguồn cung	BLOG3041	3	36,18
2	Logistics trong thương mại điện tử*	BLOG3221	3	34,12,5
3	Quản lý kho và trung tâm phân phối*	BLOG3121	3	34,12,5
4	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế	ITOM1511	3	36,18
5	Phần mềm, mô phỏng trong Logistics và chuỗi cung ứng	BLOG4331	3	0,90
2.5	**Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học**		**10**	
1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp		3	0,9
2	Dự án tốt nghiệp (cá nhân)		7	0,21